

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.
2. Huỳnh Thị Kim Kiên – Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 740/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 613/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 31/8/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Hữu C**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số 18/102, tổ 2, khu phố 3, phường Tam Hòa, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Chị **Huỳnh Thị Lệ Tr**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Số 18/102, tổ 2, khu phố 3, phường Tam Hòa, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Anh C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, chị Tr vắng mặt không lý do tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 20/3/2018, bản tự khai và tại các buổi hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Hữu C trình bày:

Anh và chị Tr tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Nhân Nghĩa, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 04/01/2012, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của người Việt Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung,

thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Mặc dù, đã nhiều lần anh và chị Tr đã ngồi lại để hòa giải hàn gắn gia đình nhưng không được, Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Tr, là vợ chồng nhưng không ai còn quan tâm cuộc sống của nhau nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 13/5/2012. Hiện nay con chung đang sống cùng anh. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Lệ Tr đã được Tòa án xác minh địa chỉ cư trú tại Công an phường Tam Hòa xác định, chị Tr hiện vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 18/102, tổ 2, khu phố 3, phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, chị Tr đã không còn sống tại địa chỉ trên từ khoảng tháng 7/2018 cho đến hiện nay. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Tr theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, chị Tr vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu C đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Lệ Tr về việc ly hôn, về quan hệ hôn nhân: Anh C được ly hôn với chị Tr, về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 13/5/2012 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Do anh C không yêu cầu giải quyết. Đồng thời, chị Tr vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự:

Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Huỳnh Thị Lệ Tr căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định anh C là nguyên đơn, chị Tr là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Huỳnh Thị Lệ Tr đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Ngày 06/7/2018 nguyên đơn anh Nguyễn Hữu C có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn được anh C viết và nộp tại Tòa án. Tòa án tiến

hành xác minh địa chỉ cư trú của bị đơn chị Huỳnh Thị Lệ Tr tại Công an phường Tam Hòa xác định hiện nay chị Tr vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 18/102, tổ 2, khu phố 3, phường Tam Hòa, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, chị Tr đã không còn sống tại địa chỉ trên từ khoảng tháng 7/2018 cho đến hiện nay. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Tr theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, chị Tr vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C và chị Tr.

[4]. Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu C và chị Huỳnh Thị Lệ Tr tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Nghĩa, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 04/01/2012 nên áp dụng các Điều 9,11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, anh C xác định anh không còn tình cảm với chị Tr, do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Theo biên bản xác minh mâu thuẫn tại địa phương ngày 17/7/2018 nơi anh C và chị Tr sinh sống xác định trong cuộc sống hôn nhân giữa anh C và chị Tr có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau, địa phương đã hòa giải nhưng không có kết quả.

Đối với chị Tr thì theo kết quả xác minh tại Công an phường Tam Hòa ngày 31/7/2018 xác định hiện nay chị Trang vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Tuy nhiên, chị Tr không còn sống ở địa chỉ nêu trên từ khoảng tháng 7 năm 2018 nên đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy chị Tr có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Như vậy, cuộc sống hôn nhân của anh C và chị Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của anh C là có cơ sở chấp nhận

Về con chung: Quá trình chung sống anh C và chị Tr có 01 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 13/5/2012. Hiện nay con chung đang sống cùng anh C Ly hôn, anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu này của anh C là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, cháu H hiện đang sống cùng anh C, chị Tr đã bỏ đi khỏi nhà bỏ mặc anh C nuôi cháu H. Anh C vẫn chăm sóc tốt cho cháu H nên việc giao cháu H cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết. Tạm thời, chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu giải quyết, chị Tr vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: anh Nguyễn Hữu C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu C đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Lệ Tr về việc ly hôn.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1989 được ly hôn với chị Huỳnh Thị Lệ Tr, sinh năm 1994.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 13/5/2012 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, chị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, không ai được quyền ngăn cản chị Tr thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu giải quyết, chị Tr vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Anh Nguyễn Hữu C phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh C đã nộp theo biên lai thu số 006612 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Đào